

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN SIÊU

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2019 - 2020**

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	51	1,9 m²/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	51	1,9 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	10	3 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	16	1,9 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	30hs/lớp	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6289	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng	3106	
1	Diện tích phòng học (m ²)	864	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	965	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	119	
3	Diện tích thư viện (m ²)	220	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	800	
5	Diện tích phòng khác (y tế.....)(m ²)	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	3	1 bộ/ 2 lớp
2	Khối lớp 11	3	1 bộ/ 2 lớp
3	Khối lớp 12	3	1 bộ/ 2 lớp
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	120	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	55	
5	Thiết bị khác (đài , máy phô tô)	10	
6	Bảng thông minh	5	

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	1 (200 m ²)
XI	Nhà ăn	1 (1000m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		3		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	có	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	có	
XIX	Tường rào xây	có	

Hà Nội, 29 tháng 05 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG